

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 490/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-12-2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Cường**
2. Ông **Phạm Thành Công**

*Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:  
Bà **Trần Thị Ngọc Tuyên** – Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Cao Thị Mỹ L**, sinh năm 19xx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Trần Thế M**, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 15/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị Mỹ L trình bày:

Chị L và anh M chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, lo cho gia đình, vợ con, anh M thường xuyên đánh đập chửi bới chị L, đập phá đồ dùng trong nhà; chị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh M vẫn không thay đổi; chị đã hết sức chịu đựng nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý đơn ly của chị đến nay, anh M thường hay hăm dọa chém giết chị L. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu

được ly hôn với anh M.

Về con chung: Giữa anh chị có 03 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/12/20xx, Trần Minh N, sinh ngày 05/2/20xx, Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 18/6/20xx. Ly hôn, chị L tùy theo nguyện vọng của các cháu muốn sống với ai thì sống. Tuy nhiên cả 03 cháu đều có nguyện vọng được sống với chị nên tại phiên tòa chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thế M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L mặc dù Tòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh M.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Mỹ L, cho chị L được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/12/20xx, Trần Minh N, sinh ngày 05/2/20xx, Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 18/6/20xx cho chị L nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Thế M, sinh năm 19xx, ngụ tại ấp N, xã G, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Thế M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của anh M đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Thế M.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Trần Thế M có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị L, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm, lo cho gia đình, vợ con, anh M thường xuyên đánh đập chửi bới chị L, đập phá đồ dùng trong nhà, chị L đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ nhưng anh vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây anh M còn hăm dọa chém giết chị L. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh M là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Giữa anh chị có 03 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/12/20xx, Trần Minh N, sinh ngày 05/2/20xx, Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 18/6/20xx. Theo nguyện vọng của các cháu T, N và T đều mong muốn được sống với mẹ. Tại phiên tòa chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên cần giao 03 con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ L có yêu cầu ly hôn nên chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Trần Thế M được ly hôn.
2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 16/12/20xx, Trần Minh N, sinh ngày 05/2/20xx, Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 18/6/20xx cho chị Cao Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Thế M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Cao Thị Mỹ L không có yêu cầu.

Anh Trần Thế M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028051 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Cao Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh Trần Thế M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã G, H.G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diễm Trinh**